

PHONG TRÀO CÁNH TẢ VÀ HỆ LỤY CỦA CHỦ NGHĨA TỰ DO MỚI Ở MỸ LATINH

Ths. Lại Lâm Anh

Viện Kinh tế chính trị thế giới

Khoảng thời gian chuyển giao giữa hai thế kỷ (XX - XXI) lực lượng cánh tả Mỹ Latinh liên tiếp giành thắng lợi trên các chính trường bầu cử tổng thống ở khu vực này. Kể từ năm 1998 đến năm 2009, đảng Cánh tả tại 12 nước Mỹ Latinh đã giành thắng lợi trong các cuộc bầu cử tổng thống, lên nắm quyền điều hành đất nước, trong số đó có hai nữ tổng thống, một số người đắc cử liên tiếp hai hoặc ba nhiệm kỳ tổng thống.

I. Sự phát triển của cánh tả

Venezuela là nước mở màn cho thắng lợi của lực lượng cánh tả ở khu vực Mỹ Latinh với việc ông Hugo Chavez, một sĩ quan cấp tiến, ứng cử viên tổng thống Venezuela năm 1998 đã được đa số cử tri ủng hộ, trở thành tổng thống cánh tả đầu tiên ở khu vực này từ năm 1998. Tiếp theo là loạt chính phủ cánh tả hoặc trung tả được thành lập ở khu vực Mỹ Latinh thông qua bầu cử tổng thống.

Đó là chính phủ cánh tả của ông Ricardo Lagos đắc cử Tổng thống Chile trong cuộc bầu cử năm 2000. Sau đó là chính phủ cánh tả ở Brazil của ông Lula da Silva đắc cử Tổng thống trong

cuộc bầu cử ở nước này năm 2002. Năm 2003, nữ ứng cử viên Tổng thống Argentina là bà Cristina Fernandez Kirchner, được đa số phiếu ủng hộ trong cuộc bầu cử năm 2003, trở thành nữ tổng thống đầu tiên của nước này. Năm 2004, Mỹ Latinh có hai chính phủ cánh tả nắm quyền điều hành quản lý đất nước, đó là Chính phủ của Tổng thống M. Torrijos ở Panama và Chính phủ của Tổng thống Tabare Vazquez ở Uruguay. Năm 2005, chính phủ cánh tả của Tổng thống Evo Morales, người da đỏ đầu tiên, trúng cử tổng thống, lên cầm quyền ở Bolivia. Việc ông E. Morales lên làm tổng thống khiến Bolivia được coi là quốc gia đa sắc màu, chủng tộc đầu tiên có nền dân chủ, bình đẳng trên chính trường bầu cử ở khu vực Tây bán cầu, sau đó là Hợp chúng quốc Hoa Kỳ với việc ông Barack Obama, người da đen đầu tiên đắc cử Tổng thống Mỹ và lên nắm quyền điều hành đất nước từ ngày 20/1/2009.

Năm 2006 là năm thành công vang dội của lực lượng cánh tả ở Mỹ Latinh với năm lãnh tụ cánh tả đắc cử và tái đắc cử tổng thống. Tại Chile, bà M. Bachelet, ứng cử viên cánh tả được đa số cử tri ủng hộ trong cuộc bầu cử năm

2006, trở thành nữ tổng thống ở nước này. Tại Nicaragua, cựu Chủ tịch Daniel Ortega - lãnh tụ phong trào giải phóng dân tộc Sandino (FSLN), sau 17 năm 3 lần tranh cử tổng thống không thành, năm 2006 lại đắc cử tổng thống nhiệm kỳ 2007-2012. Tại Ecuador, ông Rafael Correa, ứng cử viên cánh tả thuộc liên minh đất nước đã được trên 70% số cử tri ủng hộ trong cuộc bầu cử năm 2006 trở thành Tổng thống của quốc gia vùng xích đạo Tây bán cầu. Tại Brazil, ông Lula da Silva - tái đắc nhiệm kỳ hai (2007-2011) với 54% số phiếu ủng hộ nhiều hơn nhiệm kỳ trước (2002-2006). Đó là chưa kể liên minh cánh tả của ông trong nhiệm kỳ này còn giành được 17/27 ghế thống đốc bang và 337/515 ghế ở Hạ viện. Tại Venezuela, ông Hugo Chavez tái đắc cử tổng thống nhiệm kỳ ba liên tiếp (2007-2012) với 62,89% số cử tri bầu ông làm tổng thống ngày 3/12/2006.

Năm 2009, nhiều chính phủ cánh tả hết nhiệm kỳ cầm quyền, nhưng vẫn có thêm ba chính phủ cánh tả mới lên quản lý đất nước và một chính phủ cánh tả tái đắc cử lên cầm quyền, khiến khu vực Mỹ Latinh hiện nay đã có 12 chính phủ cánh tả (chưa kể Cuba) điều hành quản lý đất nước. Đây là kết quả tích cực trong việc điều hành, đổi mới tổ chức bộ máy quản lý nhà nước của các chính phủ cánh tả Mỹ Latinh vừa qua, làm cho dân chúng tin nhiệm và hy vọng tiếp tục được phát triển nhờ sự lãnh đạo của chính phủ cánh tả.

Mở màn cho niềm tin và hy vọng ở thời kỳ này là thắng lợi của cánh tả ở El Salvado với việc ông Mauricio Funes - đại diện đảng Mặt trận giải phóng dân tộc Farabundo Marti - đắc cử tổng thống ngày 15/3/2009 với 51,3% số cử tri ủng hộ. Tiếp theo là thắng lợi của cánh tả ở Guatemala với việc ông Alvaro Colom, một doanh nhân đắc cử tổng thống trong cuộc bầu cử ngày 4/11/2009 với 95% số phiếu ủng hộ. Đây là tổng thống cánh tả đầu tiên ở Guatemala kể từ ngày nước này chấm dứt nội chiến vào năm 1996. Ở Uruguay, ông Jose Mujica - 74 tuổi, nguyên thủ lĩnh du kích, người theo đường lối cánh tả đã giành được trên 50% số phiếu ủng hộ trong cuộc bầu cử tổng thống ở nước này vào ngày 29/11/2009. Ông Jose Mujica cho biết, sau ngày lên làm tổng thống (1/3/2010) ông sẽ vẫn tiếp tục đường lối của người tiền nhiệm (Tổng thống Tabare Vazquez).

Ở Colombia - ông Morales, lại tái đắc cử tổng thống nhiệm kỳ hai tại cuộc bầu cử ngày 6/12/2009. Ông cho biết, trong nhiệm kỳ hai này ông sẽ thúc đẩy hoạt động đổi mới trong nhiều lĩnh vực để Colombia trở thành quốc gia công nghiệp, dân giàu nước mạnh, đáp ứng nguyện vọng của các cử tri bầu ông lãnh đạo, điều hành đất nước.

Mặc dù có nhìn nhận và đánh giá khác nhau về sự lớn mạnh dần của phong trào cánh tả Mỹ Latinh, thậm chí một số học giả phương Tây còn cho rằng, các nhà lãnh đạo theo xu hướng cánh tả chỉ có thể tồn tại không quá

một nhiệm kỳ, nhưng thực tế cho thấy rằng, ở khu vực Mỹ Latinh, hiện nay chẳng những có thêm chính phủ cánh tả mới ra đời, mà ở nhiều nước chính phủ cánh tả và ứng cử viên cánh tả còn tái đắc cử hai hoặc ba nhiệm kỳ cầm quyền. Điều này chứng tỏ đa số dân Mỹ Latinh đã thất vọng về chủ nghĩa tự do mới du nhập vào Mỹ Latinh từ thời Tổng thống R. Reagan (1981-1989), muốn tìm cho dân tộc mình một lối thoát mới. Đó là cơ hội để cánh tả Mỹ Latinh liên tiếp đắc cử tổng thống, lên cầm quyền ở khu vực này.

II. Chủ nghĩa tự do mới và một số tác động

Chủ nghĩa tự do mới (Neoliberalism), theo các nhà bình luận và phân tích kinh tế thế giới, là một mô lý luận đa sắc màu chủ nghĩa, gồm cả chủ nghĩa trọng cung, lẫn lý thuyết trọng cầu với niềm tin và hy vọng vào tương lai hợp lý của cơ cấu nền kinh tế - cơ cấu này tự điều chỉnh thông qua hệ cung cầu nhờ bàn tay vô hình của thị trường.

Lý luận cơ bản của chủ nghĩa tự do mới là "thị trường tối đa, nhà nước tối thiểu", được giải thích rằng, nhà nước can thiệp vào nền kinh tế càng ít càng tốt, tư nhân hoá các doanh nghiệp nhà nước càng nhiều càng tốt; Hoạt động thị trường được quan hệ cung - cầu điều hành càng nhiều càng tốt, còn nhà nước chỉ cần dùng chính sách kinh tế vĩ mô để điều hành mọi hoạt động của thị trường thông qua công cụ

thuế, dùng các ưu tiên, ưu đãi về thuế để mở rộng sản xuất ở ngành này, khu vực này hoặc thu hẹp, hạn chế sản xuất ở ngành kia, lĩnh vực kia, tạo mối hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài bỏ vốn vào phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm, tạo thu nhập doanh nghiệp và nguồn thu ngân sách nhà nước đôi bên cùng có lợi.

Những năm đầu du nhập vào Mỹ Latinh, chủ nghĩa tự do mới có mang lại cho khu vực này một số kết quả bước đầu, nhưng về sau nó nhấn mạnh thái quá về tự do hoá đầu tư, mở cửa thị trường, tư nhân hoá các doanh nghiệp nhà nước, do vậy không giải quyết được các vấn đề cơ bản của xã hội: dân sinh, dân chủ, xoá đói giảm nghèo, giảm chênh lệch thu nhập giàu nghèo, xoá nạn mù chữ.

Vào thời kỳ chuyển giao giữa hai nền văn minh nhân loại - văn minh công nghiệp và văn minh trí tuệ, nhưng Mỹ Latinh vẫn còn khoảng 50 triệu người mù chữ, 224/500 triệu người lâm vào cảnh đói nghèo. Điều này giải thích tại sao đa số dân Mỹ Latinh muốn thoát khỏi chủ nghĩa tự do mới, muốn tìm cho dân tộc mình một con đường mới, thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu. Đây có thể là một trong những nguyên nhân để phong trào cánh tả Mỹ Latinh liên tiếp có những đại diện đắc cử tổng thống.

Các chuyên gia Ủy ban Kinh tế Mỹ Latinh và Caribbean thuộc Liên Hợp quốc cho biết, Mỹ Latinh càng mở cửa,

càng phụ thuộc vào vốn đầu tư nước ngoài, thì GDP Mỹ Latinh trong GDP thế giới càng bị giảm dần tương đối theo đà lớn mạnh GDP của toàn cầu. Ví dụ, vốn nước ngoài vào Mỹ Latinh trong thời gian 1994-1999 là 49,1 tỷ USD, trong thời gian 1999-2003 là 38,9 tỷ USD, trong thời gian 2003-2008 là 91,8 tỷ USD; còn thị phần GDP của Mỹ Latinh trong tổng GDP của thế giới năm 1950 là 7,8%, năm 1970 - là 8,7%, năm 1980 - 9,8%, thập niên 90 (thập niên FDI vào Mỹ Latinh tăng dần) là 8,3%, tới năm 2006 giảm còn 7,7%, nghĩa là Mỹ Latinh càng phụ thuộc vào vốn nước ngoài, thì vị thế của Mỹ Latinh trong kinh tế thế giới càng bị giảm sút.

Vốn FDI vào Mỹ Latinh có tạo thêm một số công ăn việc làm nhưng cũng làm tăng thêm bất công thu nhập, bất bình đẳng xã hội vì chênh lệch thu nhập giàu nghèo ngày càng lớn. Ví dụ, theo các chuyên gia Ngân hàng Phát triển liên Mỹ, hiện nay 5% số người giàu nhất chiếm 25% GND; còn 10% số người được đảm bảo nhất - chiếm 40% GND, làm chênh lệch thu nhập giữa 10% dân giàu nhất và 10% dân nghèo nhất ngày càng lớn. Vào năm 2003, chênh lệch thu nhập giàu nghèo lớn nhất của khu vực Mỹ Latinh là ở Brazil (93,4 lần), thứ hai là Honduras (88,8 lần), thứ ba là Paraguay (72,7 lần), thứ tư là Colombia (58,1 lần),... còn thấp nhất là Cuba (4,5 lần).

Năm 2003, đối với các nước phát triển công nghiệp, chênh lệch thu

nhập giàu nghèo thấp nhất là ở Nhật (4,5 lần), thứ hai là Phần Lan (5,7 lần), thứ ba là Na Uy (6,0 lần), Đức - 6,9 lần, Mỹ - 15,7 lần,...

Bất bình đẳng thu nhập là nguyên nhân sinh ra bất công xã hội, khiến người dân Mỹ Latinh phải tìm cách xoá bỏ nguồn gốc của sự bất công này vì chủ nghĩa tự do mới còn làm cho thu nhập bình quân trên người ở đây ngày càng thua kém chỉ tiêu này chẳng những ở các nước phát triển Âu - Mỹ, mà còn ở các nước thuộc các vùng miền khác của thế giới. Ví dụ, vào năm 1950 nếu thu nhập bình quân trên người ở Mỹ và Canada nhiều hơn chỉ tiêu này ở khu vực Mỹ Latinh là 6,8 nghìn USD, thì năm 2006 - nhiều hơn là 23,6 nghìn USD; còn ở các nước Tây Âu, thu nhập bình quân trên người năm 1950 cao hơn chỉ tiêu này của khu vực Mỹ Latinh là 2,1 nghìn USD, thì năm 2006 - cao hơn là 14,6 nghìn USD. Đặc biệt khi so sánh với thu nhập bình quân ở Nhật Bản, khu vực Mỹ Latinh thua kém rất nhiều, năm 1950 thu nhập bình quân trên người của Nhật Bản chỉ gần bằng 1/4 chỉ tiêu này của khu vực Mỹ Latinh (chênh nhau khoảng 600 USD) thì năm 2006 - chỉ tiêu này của Nhật cao hơn của Mỹ Latinh là 16,4 nghìn USD. Tình trạng chậm tiến của khu vực Mỹ Latinh còn thể hiện ở chỉ tiêu tương quan giữa GDP tuyệt đối của Mỹ Latinh so với GDP tuyệt đối của các nước phát triển công nghiệp trong thời gian 1980-2006. Nếu năm 1980 tương quan này bằng 28,9% mức GDP

bình quân của các nước phát triển công nghiệp, năm 1990 - bằng 22,7%, thì năm 2006 chỉ còn bằng 21,5%.

Trên thực tế, khu vực Mỹ Latinh chẳng những lạc hậu so với các trung tâm của chủ nghĩa tư bản, mà còn lạc

hậu so với các nước đang phát triển ở các khu vực khác về tốc độ tăng GDP/người trong thời gian qua.

Sau đây là tốc độ tăng GDP/người ở một số khu vực thuộc thế giới các nước đang phát triển (%).

Khu vực	Trong thời gian			
	1950-1973	1973-1990	1990-1997	1997-2006
149 nước đang phát triển	1,7	2,6	3,4	3,2
Khu vực Mỹ Latinh	1,4	1,5	2,2	2,0
Nam và Đông Nam Á	1,6	2,1	4,2	2,9
Trung Đông	0,8	1,4	1,9	1,4
Cận Đông	2,2	4,3	4,0	4,8
Châu Phi	1,6	2,1	3,4	3,2

GDP/người của khu vực Mỹ Latinh tăng chậm, vị thế của Mỹ Latinh trong nền kinh tế thế giới ngày càng giảm sút, nhất là sau khi chủ nghĩa tự do mới thịnh hành ở khu vực này, làm dân Mỹ Latinh liên tưởng tới vị thế và thu nhập bình quân trên đầu người của khu vực mình ở những năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Trong 10 năm đầu sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, khu vực Mỹ Latinh đều dẫn đầu thế giới các nước đang phát triển về tiềm lực kinh tế và về vị thế kinh tế, giữ vị trí trung gian giữa các trung tâm của chủ nghĩa tư bản và các nước đang phát triển. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây vị thế này của khu vực Mỹ Latinh đã bị suy giảm.

Giảm như vậy, theo các nhà phân tích kinh tế và bình luận thời sự thế giới - chủ yếu là hậu quả của các quá trình tái công nghiệp hoá trên quy mô lớn trong điều kiện thực hiện mô hình

tự do mới ở nhiều nước Mỹ Latinh, làm cho thị phần sản phẩm công nghiệp gia công chế biến trong GDP của khu vực Mỹ Latinh bị giảm nhiều. Ví dụ, trong thời gian 1980-2004 bị giảm gần 1/4 - từ 24,5% GDP xuống còn 18,7% GDP. Hệ số công nghiệp hoá trên thực tế hầu như bị giảm ở khắp mọi vùng của khu vực Mỹ Latinh, trừ ở Brazil và một số quốc gia Trung Mỹ Latinh. Thiệt hại nhất vì tái công nghiệp hoá theo mô hình tự do mới của Mỹ phải nói đến những doanh nghiệp làm hàng tiêu dùng trong nước thay thế hàng nhập nội.

Mở rộng của thị trường, tự do hoá thương mại, làm hàng nội địa không có khả năng cạnh tranh với hàng nhập nội trên thị trường Mỹ Latinh, làm nhiều doanh nghiệp Mỹ Latinh nếu không bị phá sản thì bị vỡ nợ. Ví dụ, nếu năm 1980, thị phần sản phẩm công nghiệp gia công chế biến của khu

vực Mỹ Latinh là 47%, khu vực Nam và Đông Nam Á - là 19%; thì năm 2004, tình trạng trên ngược lại, khu vực Mỹ Latinh giảm chỉ còn 19,6%, khu vực Nam và Đông Nam Á - tăng lên chiếm 42%, nghĩa là, hiện nay khu vực Mỹ Latinh phải nhường cho khu vực Nam và Đông Nam Á vị thế hàng đầu các khu vực đang phát triển về lượng sản phẩm gia công chế biến. Trong thời gian này thị phần sản phẩm công nghiệp nói chung của Mỹ Latinh trong tổng sản phẩm công nghiệp của thế giới cũng giảm - từ 7% xuống còn 4,8% năm 2004.

III. Một số kết luận

Có thể nói rằng, vào thời gian chuyển giao giữa hai thế kỷ, so với các khu vực khác, tốc độ tăng thu nhập bình quân trên người của khu vực Mỹ Latinh chậm dần, còn vị thế của khu vực Mỹ Latinh trong nền kinh tế thế giới bị giảm sút - theo các nhà phân tích và bình luận kinh tế thế giới - đó là hệ lụy của chủ nghĩa tự do mới của Mỹ thịnh hành ở nhiều nước khu vực này, đòi hỏi các nhà lãnh đạo, điều hành và quản lý đất nước khu vực Mỹ Latinh nói chung, các chính phủ cánh tả khu vực này nói riêng phải tìm mọi cách đưa đất nước mình, khu vực mình thoát khỏi suy thoái, trì trệ và đáp ứng kỳ vọng của các cử tri.

Trong hoàn cảnh kinh tế thế giới vẫn loay hoay trong vòng trì trệ, chưa thoát khỏi suy thoái kinh tế, các chuyên gia Ủy ban kinh tế Mỹ Latinh

và Caribbean của Liên Hợp quốc cho rằng, các nước thuộc khu vực Mỹ Latinh cần quán triệt bốn nguyên tắc cơ bản sau đây dùng làm cơ sở xây dựng chiến lược đổi mới cơ cấu nền kinh tế, đổi mới phương thức tổ chức, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, loại bỏ dần những bất cập của chủ nghĩa tự do mới của Mỹ ra khỏi nền kinh tế nước mình nhằm từng bước đưa nền kinh tế khu vực Mỹ Latinh vào quỹ đạo phát triển ổn định, bền vững, dần đuổi kịp và có thể vượt các nền kinh tế ở những khu vực khác trên thế giới.

1. Thực hiện chính sách kinh tế vĩ mô nhằm giảm thiểu tình trạng bất ổn trong nền kinh tế hiện nay và khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất;

2. Thực hiện các biện pháp đảm bảo khả năng cạnh tranh của hàng hoá các nước Mỹ Latinh trên thị trường trong nước và nước ngoài;

3. Cần áp dụng tích cực các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá nền kinh tế của mình phát triển ổn định, bền vững;

4. Tích cực thực hiện chính sách xã hội phát triển giáo dục đào tạo nghề nghiệp không để bị thất nghiệp theo cơ cấu ngành nghề, giảm thiểu tình trạng người lao động không có việc làm, góp phần ổn định xã hội ■

Tài liệu tham khảo:

1. Những biến động của khủng hoảng tài chính toàn cầu và vị thế của Mỹ Latinh trong nền kinh tế thế giới. Tạp chí Mỹ Latinh - số 2/2010.